

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 56/2015/TT-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quản lý các nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý, bao gồm: xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện kế hoạch, đề cương, dự toán; kiểm tra, nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, phổ biến kết quả thực hiện; thanh lý hợp đồng và quyết toán kinh phí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện nhiệm vụ môi trường sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ môi trường là những hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 147 Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014. Nhiệm vụ môi trường được tổ chức thực hiện dưới các hình thức: dự án, đề án, nhiệm vụ.
2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ môi trường (sau đây gọi tắt là cơ quan quản lý) là Bộ Giao thông vận tải.
3. Cơ quan chủ trì thực hiện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ trì) là tổ chức được cơ quan quản lý giao hoặc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc và hình thức quản lý nhiệm vụ môi trường

1. Nguyên tắc quản lý
 - a) Các nhiệm vụ môi trường phải bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả, công khai;
 - b) Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ môi trường không được phép tham gia các hội đồng: thẩm định thuyết minh đề cương, nghiệm thu cấp cơ sở, nghiệm thu cấp Bộ đối với nhiệm vụ môi trường đó;
 - c) Các hội đồng chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan thành lập hội đồng về kết quả làm việc. Ý kiến kết luận của hội đồng là “Đạt” là ý kiến của ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng tham gia phiên họp chính thức.
2. Hình thức quản lý nhiệm vụ môi trường
 - a) Nhiệm vụ môi trường được quản lý thông qua hình thức giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng;
 - b) Hình thức giao nhiệm vụ: Áp dụng cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Giao thông vận tải;
 - c) Hình thức hợp đồng: Áp dụng cho các đơn vị không thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Điều 5. Đăng ký nhiệm vụ môi trường

1. Hàng năm, cơ quan quản lý căn cứ vào các chương trình, kế hoạch và yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước ban hành văn bản hướng dẫn để các tổ chức tiến hành đăng ký nhiệm vụ môi trường.

2. Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ môi trường phải được gửi về cơ quan quản lý trước ngày 01 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch, bao gồm:

- a) Văn bản đăng ký của các tổ chức;
- b) Phiếu đề xuất nhiệm vụ môi trường được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Tuyển chọn nhiệm vụ môi trường

1. Trách nhiệm của Vụ Môi trường

- a) Tổng hợp danh mục nhiệm vụ môi trường trên cơ sở đăng ký của các tổ chức;
- b) Tham mưu trình Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ môi trường bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng và một (01) Ủy viên thư ký là công chức Vụ Môi trường; các Ủy viên là đại diện Vụ Tài chính, Vụ Khoa học - Công nghệ và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có trình độ chuyên môn phù hợp;
- c) Tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ môi trường;
- d) Tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn nhiệm vụ môi trường thực hiện trong năm kế hoạch trước ngày 31 tháng 5 của năm trước năm kế hoạch.

2. Hoạt động của Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ môi trường

- a) Phiên họp chính thức của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có sự tham gia (có mặt trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến) từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên theo Quyết định thành lập Hội đồng, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt) và Ủy viên thư ký;

- b) Thư ký Hội đồng gửi hồ sơ tổng hợp danh mục nhiệm vụ môi trường đến các thành viên Hội đồng trước ngày họp Hội đồng năm (05) ngày làm việc;
- c) Các thành viên Hội đồng tham gia phiên họp có trách nhiệm viết phiếu đánh giá tuyển chọn nhiệm vụ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Lập, thẩm định thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường

1. Căn cứ kết quả tuyển chọn nhiệm vụ môi trường, cơ quan chủ trì có trách nhiệm lập thuyết minh đề cương của từng nhiệm vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về cơ quan quản lý trước ngày 15 tháng 6 của năm trước năm kế hoạch.

2. Việc thẩm định thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường được thực hiện như sau:

a) Đối với những nhiệm vụ môi trường mà sản phẩm được ban hành dưới hình thức các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật hoặc được ứng dụng, triển khai trong hoạt động bảo vệ môi trường, cụ thể như: tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, hội thảo; đăng bài viết trên báo, tạp chí; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và các hoạt động khác, Vụ Môi trường căn cứ nội dung thực hiện để thẩm định hoặc lấy thêm ý kiến của các chuyên gia từ các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ bằng văn bản và thẩm định;

b) Đối với các nhiệm vụ môi trường không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này, việc thẩm định thuyết minh đề cương được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định.

3. Trách nhiệm của Vụ Môi trường

a) Tham mưu trình Lãnh đạo Bộ thành lập Hội đồng thẩm định bao gồm: Chủ tịch Hội đồng, một (01) Phó Chủ tịch Hội đồng và một (01) Ủy viên thư ký là công chức Vụ Môi trường; hai (02) Ủy viên phản biện và các Ủy viên là đại diện Vụ Tài chính, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của nhiệm vụ môi trường;

b) Tổ chức họp thẩm định thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường và tổng hợp, thông báo kết quả thẩm định cho cơ quan chủ trì trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày họp thẩm định;

c) Hoàn thành việc thẩm định thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường trước ngày 05 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.

4. Hoạt động của Hội đồng thẩm định

a) Phiên họp chính thức của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có sự tham gia (có mặt trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến) của chủ nhiệm nhiệm vụ, đại diện có thẩm quyền của cơ quan chủ trì và từ hai phần ba (2/3) trở lên số lượng thành viên theo Quyết định thành lập Hội đồng, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt), Ủy viên thư ký, ít nhất một (01) Ủy viên phản biện;

b) Thư ký Hội đồng gửi thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường đến các thành viên Hội đồng trước ngày họp Hội đồng năm (05) ngày làm việc;

c) Các thành viên Hội đồng tham gia phiên họp có trách nhiệm viết phiếu đánh giá theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh đề cương nhiệm vụ môi trường theo thông báo kết quả thẩm định và gửi về cơ quan quản lý trước ngày 15 tháng 7 của năm trước năm kế hoạch.

Điều 8. Tổng hợp dự toán ngân sách năm

Vụ Môi trường có trách nhiệm tổng hợp danh mục, dự toán và dự kiến đơn vị được giao quản lý kinh phí các nhiệm vụ môi trường đã được thẩm định để:

1. Trình Lãnh đạo Bộ ký gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.
2. Gửi Vụ Tài chính tổng hợp, lập dự toán ngân sách năm, trình Lãnh đạo Bộ ký công văn gửi Bộ Tài chính theo tiến độ quy định của Luật Ngân sách.

Mục 2

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Phân bổ và giao dự toán ngân sách

1. Căn cứ lập dự thảo phân bổ dự toán ngân sách